

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/HS-ST

Ngày: 14 - 4 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Hoàng Thuận.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình Đ, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/02/2020 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 332/QĐ-XPVPHC ngày 28/02/2020, đóng phạt ngày 04/3/2020.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Lai Hưng K, sinh năm 1989; HKTT: xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Từ Thị O, sinh năm 1998; HKTT: xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1989; HKTT: Xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Phan Hoàng Hương N, sinh năm 1991; HKTT: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1985; HKTT: khu phố A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Phan Văn H, sinh năm 1981, HKTT: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Diệp Ý L. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Đ ở trọ tại địa chỉ phòng trọ số 01, số 136, khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian ở trọ Đ phát hiện phòng trọ số 03 của bị hại Lai Hưng K và phòng trọ số 04 của bị hại Từ Thị O thường xuyên đi làm vắng nhà nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong hai phòng trọ này để bán lấy tiền tiêu xài.

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, Phan Đ phát hiện cơ sở trọ vắng người nên Đ mang theo 01 cây kéo bằng kim loại đi bộ từ phòng trọ số 01 đến phòng trọ số 03 của bà K sau đó dùng kéo tháo tấm tôn bên trên cửa vào phòng trọ và leo vào bên trong phòng trọ để kiểm tài sản. Khi vào bên trong phòng trọ Đ lén lút lấy trộm tài sản gồm: 02 nhẫn cưới bằng vàng 18K, trọng lượng 7 phân và 08 phân; 01 vòng đeo tay có hình con Tỳ hưu bằng vàng 24K, trọng lượng 06 phân; 01 laptop nhãn hiệu Lenovo G480; 01 máy ảnh nhãn hiệu SonyDSC-H300E32 mà bà K cất ở tủ nhựa bên trong phòng trọ. Sau khi lấy được số tài sản trên Đ leo ra ngoài và gắn lại tấm tôn như ban đầu, rồi đem tài sản mới trộm được về phòng trọ để cất giấu.

Sau khi cất giấu tài sản vừa chiếm đoạt được, với thủ đoạn tương tự như trên Đ lại tiếp tục đột nhập vào bên trong phòng trọ số 04 của bị hại Từ Thị O rồi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: 01 nhẫn trơn bằng vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 nhẫn vàng 18K có đính hạt đá; 01 lắc tay bằng bạc và số tiền 80.000 đồng để ở bên trong tủ nhựa. Đ lấy tất cả số tài sản trên rồi điều khiển xe mô tô biển số 75R1-5876 đi đến tiệm vàng K, địa chỉ: khu phố C, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lê Thị Thanh H làm chủ, bán 02 nhẫn vàng 18K,

tổng trọng lượng 1,5 chỉ cùng 01 vòng tay có hình con Tỳ hưu được số tiền 5.600.000 đồng. Sau đó, Đ tiếp tục đi đến Tiệm vàng M, địa chỉ: khu phố B, phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phan Văn H, làm chủ bán 02 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ và 01 lắc tay bằng bạc được số tiền 1.600.000 đồng. Đối với 01 laptop nhãn hiệu Lenovo G480; 01 máy ảnh nhãn hiệu Sony DSC-H300E32 Đ đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ ở phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương được 600.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán được từ tài sản trộm cắp Đ đã dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 05/11/2020, bị hại Lai Hưng K và Từ Thị O đã đến Công an phường H trình báo sự việc. Ngày 07/11/2020 Phan Đ đến Công an phường H đầu thú về hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, màu trắng đen, biển số 75R1-5876; 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán màu xanh dài 22cm; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 03 phân và 01 chiếc lắc tay bằng bạc do tiệm vàng M giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân trị giá 2.310.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 08 phân trị giá 2.640.000 đồng; 01 vòng tay có hình tỳ hưu bằng vàng 24K, trọng lượng 06 phân trị giá 3.360.000 đồng; 01 máy ảnh Sony trị giá 2.500.000 đồng; 01 laptop hiệu Lenovo G480 trị giá 1.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Lai Hưng K là 12.010.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 nhẫn vàng 18K nặng 03 phân trị giá 990.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 2,5 phân trị giá 825.000 đồng; đối với một lắc bạc không có hóa đơn, chứng từ nên hội đồng định giá không có căn cứ để định giá. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bị hại Từ Thị O là 1.895.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh số 6369/C09B ngày 29/12/2020 kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính nhiều hạt đá nhỏ, khối lượng tính (cả đá) 1,1346 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại vàng (Au) 61,27%, Bạc (Ag) 20,99%; 01 lắc tay kim loại màu bạc, khối lượng 5,3380 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 98,82%, hàm lượng vàng nhỏ hơn 0.1%.

Bản Cáo trạng số 101/CT-VKS-TA ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phan Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đầu thú và đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phan Đ mức hình phạt từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu trắng đen biển số 75R1-5876 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Quang T. Quá trình làm việc ông T khai cho Đ mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết việc Đ sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T là có căn cứ.

+ Đối với vật chứng là 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 lắc tay bằng bạc do tiệm vàng M giao nộp là tài sản hợp pháp của bị hại Từ Thị O, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà O là có căn cứ. Đối với số vàng còn lại, quá trình điều tra xác định sau khi bị cáo Đ đem bán, thì các tiệm vàng đã nấu lại nên không thu hồi được.

+ Đối với vật chứng thu giữ là 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán màu xanh dài 22cm, là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Phan Hoàng Hương N là chị gái của bị cáo Đ, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Lai Hưng K và bà Từ Thị O thay cho bị cáo Đ. Bị hại K và O có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

Đối với bà Lê Thị Thanh H là chủ tiệm vàng K và ông Phan Văn H là chủ tiệm vàng M, quá trình làm việc bà H và ông H khai không biết việc bị cáo Đ bán tài sản là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý, đồng thời bà H và ông H cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì đối với số tài sản đã giao nộp cho Cơ quan Công an nên không đề nghị xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phan Hoàng Hương N trình bày: Bà N là chị gái của bị cáo Đ, bà N giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Cơ quan điều tra. Bà N xác định đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo Đ và không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 03/11/2020 tại phòng trọ số 3 và số 4 địa chỉ số khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 nhẫn cưới bằng vàng 18K trọng lượng 7 phân và 08 phân; 01 vòng đeo tay có hình con Tỳ hưu bằng vàng 24K trọng lượng 06 phân; 01 laptop nhãn hiệu Lenovo G480; 01 máy ảnh nhãn hiệu SonyDSC-H300E32 của bị hại Lai Hưng K và 01 nhẫn trơn bằng vàng 18K trọng lượng 03 phân; 01 nhẫn vàng 18K có đính hạt đá; 01 lắc tay bằng bạc, số tiền 80.000 đồng của bị hại Từ Thị O. Tổng giá trị tài sản bị cáo Đ chiếm đoạt của cả hai bị hại là 13.905.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Phan Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đầu thú và đã tác

động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền sự về hành vi đánh bạc.

[6] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu trắng đen biển số 75R1-5876 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Quang T. Quá trình làm việc ông T khai cho Đ mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết việc Đ sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T là đúng quy định.

- Đối với vật chứng là 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 lắc tay bằng bạc do tiệm vàng M giao nộp là tài sản hợp pháp của bị hại Từ Thị O, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà O là đúng quy định. Đối với số vàng còn lại, quá trình điều tra xác định sau khi bị cáo Đ đem bán thì các tiệm vàng đã nấu lại nên không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán màu xanh dài 22cm, là công cụ bị cáo Đ sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Đ 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán màu xanh dài 22cm).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố T;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh